

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

*Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tuấn

Ông Huỳnh Quốc Khuyên

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 83/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê L Ph** – sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P T, xã P L, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Đặng M Th** – sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp P T, xã P L, huyện H, tỉnh T.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ph trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh Th sống chung năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do có nhiều

mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, cả hai không còn tình cảm với nhau, nên đã ly thân từ tháng 4 năm 2014. Từ khi ly thân anh Th đã rời khỏi nơi cư trú không có tin tức xác thực, nên chị Ph đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Th mất tích và được Tòa án nhân dân huyện P giải quyết bằng Quyết định số: 28/2021/QĐST-DS ngày 09/12/2021. Do chị Ph không còn tình cảm với anh Th, nên yêu cầu Tòa án cho chị Ph được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị Ph và anh Th có 02 con là Đặng D Kh, sinh 18 tháng 11 năm 2004 và Đặng Kh B sinh ngày 25 tháng 11 năm 2013. Hai con đang sống chung chị Ph. Chị Ph yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph xác định chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Anh Th không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Ph.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán gửi Thông báo thụ lý, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát chưa đúng quy định; Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Th chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị Lê L Ph ly hôn anh Đặng M Th

+ Về con: Giao hai con chung là cháu Đặng D Kh, sinh 18 tháng 11 năm 2004 và Đặng Kh B sinh ngày 25 tháng 11 năm 2013 cho chị Ph nuôi.

+ Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị Ph phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị Lê L Ph yêu cầu ly hôn anh Th, anh Th có nơi cư trú cuối cùng tại xã X, huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph và anh Thà là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị Ph và anh Th sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, nên chị Ph và anh Th đã ly thân từ tháng 4 năm 2014. Do không còn tình cảm với anh Th, nên chị Ph yêu cầu ly hôn và do anh Đặng M Th.

Khi yêu cầu ly hôn, chị Ph đã nộp Quyết định số: 28/2021/QĐST-DS ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long về việc Tòa án tuyên bố anh Th mất tích. Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, anh Th vẫn không có mặt tại Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến. Đến thời điểm này anh Th vẫn không có mặt theo triệu tập của Tòa án, nên Quyết định số: 28/2021/QĐST-DS ngày 09/12/2021 nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đến thời điểm này vẫn có hiệu lực thi hành. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn anh Th, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Ph được ly hôn anh Th.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Do anh Th đã mất tích và hai con chung thì đã có cuộc sống chung ổn định với chị Ph từ năm 2014 cho đến nay, hai cháu cũng có nguyện vọng được sống chung chị Ph, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai cháu Đặng D Kh, sinh 18/11/2004 và Đặng Kh B sinh ngày 25/11/2013 cho chị Ph trực tiếp nuôi.

Trường hợp anh Th quay trở lại nơi cư trú thì anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Ph xác định chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung; Đến thời điểm này Tòa án không nhận được ý kiến của anh Th về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết đối với tài sản và nợ.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Ph chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Ph đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh Đặng M Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê L Ph được ly hôn anh Đặng M Th.
2. Về con chung:
 - Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị Ph và anh Th là hai cháu Đặng D Kh, sinh 18 tháng 11 năm 2004 và Đặng Kh B sinh ngày 25 tháng 11 năm 2013 cho chị Ph trực tiếp nuôi. Trường hợp anh Th quay trở lại nơi cư trú thì anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.
 - Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:
 - Buộc chị Lê L Ph phải chịu án phí số tiền 300.000đ. Chị Ph đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005071 ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.
 - Anh Đặng M Th không phải chịu án phí.
5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.
6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thị Đang